

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9-AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:183/2026/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 8 năm 2026
*Về việc “Tranh chấp hôn nhân
và gia đình, ly hôn, nuôi con”.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-AN GIANG, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Huỳnh Thị Thúy Hoa;
2. Bà: Ngô Thùy Dung.

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9-An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-An Giang tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 27 tháng 8 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 9-An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 398/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2026/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 165/2026/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2026, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lâm Đỗ Hoàng N, sinh năm 1979; địa chỉ thường trú: Số B, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là phường L, tỉnh An Giang); địa chỉ hiện tại: Khóm T, xã P, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: Số D, N, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Khánh L, sinh năm 1987; địa chỉ: Số B, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là phường L, tỉnh An Giang).

(Ông N và bà L có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Lâm Đỗ Hoàng N trình bày:

Ông Lâm Đỗ Hoàng N và bà Lê Khánh L tự nguyện quen biết và tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là

phường L, tỉnh An Giang) giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 09/02/2015. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2025 nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, mặc dù đã nhiều lần ngồi lại trao đổi, hàn gắn nhưng không đạt kết quả. Từ giữa năm 2025 đến nay đã sống ly thân. Do cuộc sống hôn nhân giữa ông Lâm Đỗ Hoàng N và bà Lê Khánh L không thể hàn gắn ông Lâm Đỗ Hoàng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với bà Lê Khánh L do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng có đăng ký kết hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lâm Hoàng Anh M, sinh ngày 10/01/2015 và Lâm Hoàng Anh K, sinh ngày 01/01/2019. Hiện đang sống cùng bà L. Ông N đồng ý giao 02 con chung bà L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông N không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn: Bà Lê Khánh L xin vắng mặt có gửi văn bản trình bày ý kiến: Vào năm 2015 bà và ông Lâm Đỗ Hoàng N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là phường L, tỉnh An Giang) giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 09/02/2015. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, từ đầu năm 2025 phát sinh mâu thuẫn và nhiều mâu thuẫn gay gắt và không tìm được tiếng nói chung trong các vấn đề để tạo lập kinh tế gia đình và nuôi dạy con cái. Bà và ông N đã nhiều lần nói chuyện với nhau nhưng không giải quyết được vấn đề và từ giữa năm 2025 đến nay đã sống ly thân. Nay ông Lâm Đỗ Hoàng N xin ly hôn, bà Lê Khánh L đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lâm Hoàng Anh M, sinh ngày 10/01/2015 và Lâm Hoàng Anh K, sinh ngày 01/01/2019. Hiện đang sống cùng bà L. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn trình bày nguyện vọng của bé Lâm Hoàng Anh M, sinh ngày 10/01/2015 và bé Lâm Hoàng Anh K, sinh ngày 01/01/2019 trình bày: Có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ là bà Lê Khánh L để đảm bảo sự ổn định trong việc học tập, sinh hoạt và cuộc sống hằng ngày.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu

khởi kiện và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà L. Quan hệ pháp luật tranh chấp hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Bà L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường L, tỉnh An Giang căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9-An Giang theo thủ tục tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông N và bà L xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 09/02/2015 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là phường L, tỉnh An Giang) theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của ông N1 và bà L được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông Lâm Đỗ Hoàng N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và bà Lê Khánh L cũng đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng phải thể hiện tình cảm yêu thương, quan tâm chăm sóc, tin tưởng nhau và chia sẻ những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho cuộc hôn nhân hạnh phúc. Hôn nhân giữa ông N và bà L có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng. Ông N và bà L đều xác định không thể tiếp tục chung sống vợ chồng, mâu thuẫn giữa ông N và bà L đi đến trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, giữa vợ chồng không còn thực hiện các

quyền và nghĩa vụ cũng như hai bên không cố gắng hàn gắn, duy trì cuộc sống hôn nhân. Do đó căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu của ông Lâm Đỗ Hoàng N có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Lâm Hoàng Anh M, sinh ngày 10/01/2015 và Lâm Hoàng Anh K, sinh ngày 01/01/2019. Hiện đang sống cùng bà L. Bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Hội đồng xét xử nhận thấy cháu M và cháu K chưa thành niên, đang được bà L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp từ sau khi ông N và bà L ly thân cho đến nay, cuộc sống của các cháu đã ổn định. Đồng thời, cháu M và cháu K cũng có nguyện vọng được sống cùng bà L. Vì vậy, nhằm để ổn định cuộc sống của cháu M và cháu K không bị ảnh hưởng tâm sinh lý về việc cha, mẹ ly hôn và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung. Mặt khác, ông N cũng đồng ý giao 02 con chung tên Lâm Hoàng Anh M, sinh ngày 10/01/2015 và Lâm Hoàng Anh K, sinh ngày 01/01/2019 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận sau khi ly hôn, giao 02 con chung tên Lâm Hoàng Anh M, sinh ngày 10/01/2015 và Lâm Hoàng Anh K, sinh ngày 01/01/2019 cho bà Lê Khánh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là chính đáng và có cơ sở theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, ông N không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định. Tuy nhiên, bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Ghi nhận ý kiến của ông N và bà L trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Ghi nhận ý kiến của ông N và bà L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Ông N phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà L không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 186; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Đỗ Hoàng N.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lâm Đỗ Hoàng N được ly hôn với bà Lê Khánh L.

[2] Về con chung: Giao 02 con chung tên Lâm Hoàng Anh M, sinh ngày 10/01/2015 và Lâm Hoàng Anh K, sinh ngày 01/01/2019 cho bà Lê Khánh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Ông Lâm Đỗ Hoàng N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000040, ngày 01/7/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Ông N đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Bà Lê Khánh L không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 4, Điều 6, Điều 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 9-An Giang;
- Phòng THSDS khu vực 9-An Giang;
- UBND phường Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Nữ Ngọc Lan

